

LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 170

LUẬN VỀ NHIẾP (Phần 5)

Hỏi: Nếu Đẳng chí tùy theo dùng Tịnh của Tĩnh lự nào làm Nhân, thì dùng loại ấy làm Sở duyên chăng? Giả sử Đẳng chí tùy theo dùng Tịnh của Tĩnh lự nào làm Sở duyên, thì dùng loại ấy làm Nhân chăng?

Đáp: Dựa vào Tịnh của mỗi một Tĩnh lự đều cần phải làm thành bốn câu phân biệt:

Dựa vào Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất làm Nhân chứ không phải là Sở duyên, loại này có mười lăm, đó là bốn Vô lượng, hai Giải thoát, bốn Thắng xứ, hai Vô ngại giải, sở y của ba Thông.

2. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất làm Sở duyên chứ không phải là Nhân, loại này có chín, đó là Vị tương ứng của Tĩnh lự thứ nhất, Tịnh của ba Tĩnh lự trên, Vô lậu của bốn Tĩnh lự, sở y của Nguyên trí.

3. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất làm Nhân cũng là Sở duyên, loại này có sáu, đó là Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất, hai Vô ngại giải, sở y của ba Thông.

4. Có lúc Đẳng chí không dùng Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất làm Nhân cũng không phải là Sở duyên, loại này có ba mươi lăm, đó là bảy Vị tương ứng-Tịnh của bốn Vô sắc, Vô lậu của ba Vô sắc, bốn Thắng xứ sau, sáu Giải thoát, mười Biến xứ, sở y của Vô tranh.

Dựa vào Tịnh của Tĩnh lự thứ hai làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Tĩnh lự thứ hai làm Nhân chứ không phải là Sở duyên, loại này có mười bốn, đó là bốn Vô lượng, hai Giải thoát, bốn Thắng xứ, Pháp vô ngại giải, sở y của ba Thông.

2. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Tĩnh lự thứ hai làm Sở duyên chứ không phải là Nhân, loại này có chín, đó là Vị tương ứng của Tĩnh

lự thứ hai, Tịnh của Tịnh lộ thứ nhất-thứ ba-thứ tư, Vô lậu của bốn Tịnh lộ, sở y của Nguyên trí.

3. Có lúc Đăng chí dùng Tịnh của Tịnh lộ thứ hai làm Nhân cũng là Sở duyên, loại này có sáu, đó là Tịnh của Tịnh lộ thứ hai, hai Vô ngại giải, sở y của ba Thông.

4. Có lúc Đăng chí không dùng Tịnh của Tịnh lộ thứ hai làm Nhân cũng không phải là Sở duyên, loại này có ba mươi sáu, đó là bảy Vị tương ứng-Tịnh của bốn Vô sắc, Vô lậu của ba Vô sắc, bốn Thắng xứ sau, sáu Giải thoát, mười Biến xứ, sở y của Vô tranh và Từ vô ngại giải.

Dựa vào Tịnh của Tịnh lộ thứ ba làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Đăng chí dùng Tịnh của Tịnh lộ thứ ba làm Nhân chứ không phải là Sở duyên, loại này có bảy, đó là ba Vô lượng, Pháp vô ngại giải, sở y của ba Thông.

2. Có lúc Đăng chí dùng Tịnh của Tịnh lộ thứ ba làm Sở duyên chứ không phải là Nhân, loại này có chín, đó là Vị tương ứng của địa mình, Tịnh của Tịnh lộ thứ nhất-thứ hai-thứ tư, Vô lậu của bốn Tịnh lộ, sở y của Nguyên trí.

3. Có lúc Đăng chí dùng Tịnh của Tịnh lộ thứ ba làm Nhân cũng là Sở duyên, loại này có sáu, đó là Tịnh của Tịnh lộ thứ ba, hai Vô ngại giải, sở y của ba Thông.

4. Có lúc Đăng chí không dùng Tịnh của Tịnh lộ thứ ba làm Nhân cũng không phải là Sở duyên, loại này có bốn mươi ba, đó là bảy Vị tương ứng-Tịnh của bốn Vô sắc, Vô lậu của ba Vô sắc, Hỷ vô lượng, tám Thắng xứ, tám Giải thoát, mười Biến xứ, sở y của Vô tranh và Từ vô ngại giải.

Dựa vào Tịnh của Tịnh lộ thứ tư làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Đăng chí dùng Tịnh của Tịnh lộ thứ tư làm Nhân chứ không phải là Sở duyên, loại này có hai mươi mốt, đó là ba Vô lượng, Tịnh giải thoát, bốn Thắng xứ sau, tám Biến xứ trước, Pháp vô ngại giải, sở y của ba Thông và Vô tranh.

2. Có lúc Đăng chí dùng Tịnh của Tịnh lộ thứ tư làm Sở duyên chứ không phải là Nhân, loại này có tám, đó là Vị tương ứng của Tịnh lộ thứ tư, Tịnh của ba Tịnh lộ dưới, Vô lậu của bốn Tịnh lộ.

3. Có lúc Đăng chí dùng Tịnh của Tịnh lộ thứ tư làm Nhân cũng là Sở duyên, loại này có bảy, đó là Tịnh của Tịnh lộ thứ tư, hai Vô ngại giải, sở y của ba Thông và Nguyên trí.

4. Có lúc Đăng chí không dùng Tịnh của Tịnh lộ thứ tư làm Nhân

cũng không phải là Sở duyên, loại này có hai mươi chín, đó là bảy Vị tương ứng-Tịnh của bốn Vô sắc, Vô lậu của ba Vô sắc, Hỷ vô lượng, bảy Giải thoát, bốn Thắng xứ trước, hai Biến xứ sau, sở y của Từ vô ngại giải.

Hỏi: Nếu Đăng chí tùy theo dùng Tịnh của Vô sắc nào làm Nhân, thì dùng loại ấy làm Sở duyên chăng? Giả sử Đăng chí tùy theo dùng Tịnh của Vô sắc nào làm Sở duyên, thì dùng loại ấy làm Nhân chăng?

Đáp: Tịnh của Vô sắc dưới, nếu Đăng chí tùy theo dùng loại ấy làm Nhân, thì cũng dùng loại ấy làm Sở duyên. Có lúc Đăng chí dùng loại ấy làm Sở duyên, mà không dùng loại ấy làm Nhân. Tịnh của Phi tướng phi phi tướng xứ, nên làm thành bốn câu phân biệt.

Trong đó, nếu Đăng chí dùng Tịnh của Không vô biên xứ làm Sở duyên, mà không dùng loại ấy làm Nhân, thì có mười một loại, đó là Tịnh-Vô lậu của bốn Tĩnh lự, Vị tương ứng-Vô lậu của địa mình, sở y của Nguyên trí.

Nếu Đăng chí dùng Tịnh của Thức vô biên xứ làm Sở duyên, mà không dùng loại ấy làm Nhân, thì có mười bốn loại, đó là Tịnh-Vô lậu của bốn Tĩnh lự, Vô lậu của hai Vô sắc đầu, Tịnh của Không vô biên xứ, tức là Giải thoát của địa ấy, Vị tương ứng của địa mình, sở y của Nguyên trí.

Nếu Đăng chí dùng Tịnh của Vô sở hữu xứ làm Sở duyên, mà không dùng loại ấy làm Nhân, thì có mười bảy loại, đó là Tịnh-Vô lậu của bốn Tĩnh lự, Vô lậu của ba Vô sắc, Tịnh của hai Vô sắc đầu, và Giải thoát của hai Vô sắc đầu, Vị tương ứng của địa mình, sở y của Nguyên trí.

Dựa vào Tịnh của Phi tướng phi phi tướng xứ làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Đăng chí dùng Tịnh của Phi tướng phi phi tướng xứ làm Nhân chứ không phải là Sở duyên, loại này có một, đó là Diệt Tướng-Thọ giải thoát.

2. Có lúc Đăng chí dùng Tịnh của Phi tướng phi phi tướng xứ làm Sở duyên chứ không phải là Nhân, loại này có mười chín, đó là Tịnh-Vô lậu của bốn Tĩnh lự-ba Vô sắc, và Giải thoát của ba Vô sắc, Vị tương ứng của địa mình, sở y của Nguyên trí.

3. Có lúc Đăng chí dùng Tịnh của Phi tướng phi phi tướng xứ làm Nhân cũng là Sở duyên, loại này có năm, đó là Tịnh của Phi tướng phi phi tướng xứ, tức là Giải thoát của địa ấy, hai Vô ngại giải, sở y của Lậu tận thông.

4. Có lúc Đẳng chí không dùng Tịnh của Phi tướng phi phi tướng xứ làm Nhân cũng không phải là Sở duyên, loại này có bốn mươi, đó là bảy Vị tương ứng, bốn Vô lượng, ba Giải thoát đầu, tám Thắng xứ, mười Biến xứ, hai Vô ngại giải, Vô tranh, sở y của năm Thông.

Hỏi: Nếu Đẳng chí tùy theo dùng Vô lậu của Tịnh lự nào làm Nhân, thì dùng loại ấy làm Sở duyên chăng? Giả sử Đẳng chí tùy theo dùng Vô lậu của Tịnh lự nào làm Sở duyên, thì dùng loại ấy làm Nhân chăng?

Đáp: Các Đẳng chí tùy theo dùng Vô lậu của Tịnh lự ấy làm Nhân, thì cũng dùng loại ấy làm Sở duyên. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Tịnh lự ấy làm Sở duyên, mà không dùng loại ấy làm Nhân.

Trong đó, nếu Đẳng chí dùng Vô lậu của Tịnh lự thứ nhất làm Sở duyên, mà không dùng loại ấy làm Nhân, thì có mười loại, đó là Tịnh của bốn Tịnh lự-bốn Vô sắc, Giải thoát của Phi tướng phi phi tướng xứ, sở y của Nguyên trí.

Như Vô lậu của Tịnh lự thứ nhất, Vô lậu của Tịnh lự thứ hai-thứ ba-thứ tư cũng như vậy.

Hỏi: Nếu Đẳng chí tùy theo dùng Vô lậu của Vô sắc nào làm Nhân, thì dùng loại ấy làm Sở duyên chăng? Giả sử Đẳng chí tùy theo dùng Vô lậu của Vô sắc nào làm Sở duyên, thì dùng loại ấy làm Nhân chăng?

Đáp: Dựa vào Vô lậu của mỗi một Vô sắc đều cần phải làm thành bốn câu phân biệt:

Dựa vào Vô lậu của Không vô biên xứ làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Không vô biên xứ làm Nhân chứ không phải là Sở duyên, loại này có một, đó là sở y của Tha tâm thông.

2. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Không vô biên xứ làm Sở duyên chứ không phải là Nhân, loại này có mười, đó là Tịnh của bốn Tịnh lự-bốn Vô sắc, Giải thoát của Phi tướng phi phi tướng xứ, sở y của Nguyên trí.

3. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Không vô biên xứ làm Nhân cũng là Sở duyên, loại này có mười ba, đó là Vô lậu của bốn Tịnh lự-ba Vô sắc, và Giải thoát của ba Vô sắc dưới, hai Vô ngại giải, sở y của Lậu tận thông.

4. Có lúc Đẳng chí không dùng Vô lậu của Không vô biên xứ làm Nhân cũng không phải là Sở duyên, loại này có bốn mươi một, đó là

tám Vị tương ứng, bốn Vô lượng, bốn Giải thoát, tám Thắng xứ, mười Biến xứ, hai Vô ngại giải, Vô tranh, sở y của bốn Thông.

Như Vô lậu của Không vô biên xứ, Vô lậu của Thức vô biên xứ và Vô sở hữu xứ cũng như vậy.

Hỏi: Nếu Đẳng chí tùy theo dùng Vị tương ứng của Tịch lự nào làm Đẳng vô gián, thì dùng loại ấy làm Sở duyên chăng? Giả sử Đẳng chí tùy theo dùng Vị tương ứng của Tịch lự nào làm Sở duyên, thì dùng loại ấy làm Đẳng vô gián chăng?

Đáp: Dựa vào Vị tương ứng của mỗi một Tịch lự đều cần phải làm thành bốn câu phân biệt:

Dựa vào Vị tương ứng của Tịch lự thứ nhất làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Đẳng chí dùng Vị tương ứng của Tịch lự thứ nhất làm Đẳng vô gián chứ không phải là Sở duyên, loại này có mười ba, đó là bốn Vô lượng, hai Giải thoát đầu, bốn Thắng xứ trước, sở y của ba Thông.

2. Có lúc Đẳng chí dùng Vị tương ứng của Tịch lự thứ nhất làm Sở duyên chứ không phải là Đẳng vô gián, loại này có mười, đó là Tịnh của ba Tịch lự trên, Vô lậu của bốn Tịch lự, Nghĩa vô ngại giải, Lậu tận thông, sở y của Nguyên trí.

3. Có lúc Đẳng chí dùng Vị tương ứng của Tịch lự thứ nhất làm Đẳng vô gián cũng là Sở duyên, loại này có bốn, đó là Vị tương ứng-Tịnh của địa mình, sở y của hai Thông.

4. Có lúc Đẳng chí không dùng Vị tương ứng của Tịch lự thứ nhất làm Đẳng vô gián cũng không phải là Sở duyên, loại này có ba mươi tám, đó là bảy Vị tương ứng-Tịnh của bốn Vô sắc, Vô lậu của ba Vô sắc, sáu Giải thoát, bốn Thắng xứ sau, mười Biến xứ, Vô tranh, sở y của ba Vô ngại giải.

Dựa vào Vị tương ứng của Tịch lự thứ hai làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Đẳng chí dùng Vị tương ứng của Tịch lự thứ hai làm Đẳng vô gián chứ không phải là Sở duyên, loại này có mười ba, đó là bốn Vô lượng, hai Giải thoát đầu, bốn Thắng xứ trước, sở y của ba Thông.

2. Có lúc Đẳng chí dùng Vị tương ứng của Tịch lự thứ hai làm Sở duyên chứ không phải là Đẳng vô gián, loại này có chín, đó là Tịnh của hai Tịch lự trên, Vô lậu của bốn Tịch lự, Nghĩa vô ngại giải, Lậu tận thông, sở y của Nguyên trí.

3. Có lúc Đẳng chí dùng Vị tương ứng của Tĩnh lực thứ hai làm Đẳng vô gián cũng là Sở duyên, loại này có năm, đó là Vị tương ứng của địa mình, Tịnh của hai Tĩnh lực đầu, sở y của hai Thông.

4. Có lúc Đẳng chí không dùng Vị tương ứng của Tĩnh lực thứ hai làm Đẳng vô gián cũng không phải là Sở duyên, loại này có ba mươi tám, đó là bảy Vị tương ứng-Tịnh của bốn Vô sắc, Vô lậu của ba Vô sắc, sáu Giải thoát, bốn Thắng xứ sau, mười Biến xứ, Vô tranh, sở y của ba Vô ngại giải.

Dựa vào Vị tương ứng của Tĩnh lực thứ ba làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Đẳng chí dùng Vị tương ứng của Tĩnh lực thứ ba làm Đẳng vô gián chứ không phải là Sở duyên, loại này có sáu, đó là ba Vô lượng, sở y của ba Thông.

2. Có lúc Đẳng chí dùng Vị tương ứng của Tĩnh lực thứ ba làm Sở duyên chứ không phải là Đẳng vô gián, loại này có chín, đó là Tịnh của hai Tĩnh lực trên, Vô lậu của bốn Tĩnh lực, Nghĩa vô ngại giải, Lậu tận thông, sở y của Nguyện trí.

3. Có lúc Đẳng chí dùng Vị tương ứng của Tĩnh lực thứ ba làm Đẳng vô gián cũng là Sở duyên, loại này có năm, đó là Vị tương ứng của địa mình, Tịnh của Tĩnh lực thứ hai-thứ ba, sở y của hai Thông.

4. Có lúc Đẳng chí không dùng Vị tương ứng của Tĩnh lực thứ ba làm Đẳng vô gián cũng không phải là Sở duyên, loại này có bốn mươi lăm, đó là bảy Vị tương ứng-Tịnh của bốn Vô sắc, Vô lậu của ba Vô sắc, Hỷ vô lượng, tám Giải thoát, tám Thắng xứ, mười Biến xứ, Vô tranh, sở y của ba Vô ngại giải.

Dựa vào Vị tương ứng của Tĩnh lực thứ tư làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Đẳng chí dùng Vị tương ứng của Tĩnh lực thứ tư làm Đẳng vô gián chứ không phải là Sở duyên, loại này có mười chín, đó là ba Vô lượng, Tịnh giải thoát, bốn Thắng xứ sau, tám Biến xứ trước, sở y của ba Thông.

2. Có lúc Đẳng chí dùng Vị tương ứng của Tĩnh lực thứ tư làm Sở duyên chứ không phải là Đẳng vô gián, loại này có chín, đó là Tịnh của hai Tĩnh lực, Vô lậu của bốn Tĩnh lực, Nghĩa vô ngại giải, Lậu tận thông, sở y của Nguyện trí.

3. Có lúc Đẳng chí dùng Vị tương ứng của Tĩnh lực thứ tư làm Đẳng vô gián cũng là Sở duyên, loại này có năm, đó là Vị tương ứng của địa mình, Tịnh của Tĩnh lực thứ ba-thứ tư, sở y của hai Thông.

4. Có lúc Đẳng chí không dùng Vị tương ứng của Tĩnh lực thứ tư làm Đẳng vô gián cũng không phải là Sở duyên, loại này có ba mươi hai, đó là bảy Vị tương ứng-Tĩnh của bốn Vô sắc, Vô lậu của ba Vô sắc, Hỷ vô lượng, bảy Giải thoát, bốn Thắng xứ trước, hai Biến xứ sau, Vô tranh, sở y của ba Vô ngại giải.

Hỏi: Nếu Đẳng chí tùy theo dùng Vị tương ứng của Vô sắc nào làm Đẳng vô gián, thì dùng loại ấy làm Sở duyên chăng? Giả sử Đẳng chí tùy theo dùng Vị tương ứng của Vô sắc nào làm Sở duyên, thì dùng loại ấy làm Đẳng vô gián chăng?

Đáp: Các Đẳng chí tùy theo dùng Vị tương ứng của Vô sắc ấy làm Đẳng vô gián, thì cũng dùng loại ấy làm Sở duyên. Có lúc Đẳng chí dùng Vị tương ứng của Vô sắc ấy làm Sở duyên, mà không dùng loại ấy làm Đẳng vô gián.

Trong đó, nếu Đẳng chí dùng Vị tương ứng của Không vô biên xứ làm Sở duyên, mà không dùng loại ấy làm Đẳng vô gián, thì có mười một loại, đó là Tĩnh của ba Tĩnh lực, Vô lậu của bốn Tĩnh lực, Vô lậu của địa mình, Nghĩa vô ngại giải, Lậu tận thông, sở y của Nguyên trí.

Nếu Đẳng chí dùng Vị tương ứng của Thức vô biên xứ làm Sở duyên, mà không dùng loại ấy làm Đẳng vô gián, thì có mười ba loại, đó là Tĩnh-Vô lậu của bốn Tĩnh lực, Vô lậu của hai Vô sắc đầu, Nghĩa vô ngại giải, Lậu tận thông, sở y của Nguyên trí.

Nếu Đẳng chí dùng Vị tương ứng của Vô sở hữu xứ làm Sở duyên, mà không dùng loại ấy làm Đẳng vô gián, thì có mười sáu loại, đó là Tĩnh-Vô lậu của bốn Tĩnh lực, Tĩnh của Không vô biên xứ, tức là Giải thoát của địa ấy, Vô lậu của ba Vô sắc, Nghĩa vô ngại giải, Lậu tận thông, sở y của Nguyên trí.

Nếu Đẳng chí dùng Vị tương ứng của Phi tướng phi phi tướng xứ làm Sở duyên, mà không dùng loại ấy làm Đẳng vô gián, thì có mười tám loại, đó là Tĩnh-Vô lậu của bốn Tĩnh lực, Tĩnh của hai Vô sắc đầu, tức là Giải thoát của địa ấy, Vô lậu của ba Vô sắc, Nghĩa vô ngại giải, Lậu tận thông, sở y của Nguyên trí.

Hỏi: Nếu Đẳng chí tùy theo dùng Tĩnh của Tĩnh lực nào làm Đẳng vô gián, thì dùng loại ấy làm Sở duyên chăng? Giả sử Đẳng chí tùy theo dùng Tĩnh của Tĩnh lực nào làm Sở duyên, thì dùng loại ấy làm Đẳng vô gián chăng?

Đáp: Dựa vào Tĩnh của mỗi một Tĩnh lực đều cần phải làm thành bốn câu phân biệt:

Dựa vào Tĩnh của Tĩnh lực thứ nhất làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất làm Đẳng vô gián chứ không phải là Sở duyên, loại này có mười lăm, đó là bốn Vô lượng, hai Giải thoát đầu, bốn Thắng xứ trước, hai Vô ngại giải, sở y của ba Thông.

2. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất làm Sở duyên chứ không phải là Đẳng vô gián, loại này có ba, đó là Tịnh-Vô lậu của Tĩnh lự thứ tư, sở y của Nguyện trí.

3. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất làm Đẳng vô gián cũng là Sở duyên, loại này có mười hai, đó là Vị tương ứng của địa mình, và Tịnh-Vô lậu của ba Tĩnh lự đầu, hai Vô ngại giải, sở y của ba Thông.

4. Có lúc Đẳng chí không dùng Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất làm Đẳng vô gián cũng không phải là Sở duyên, loại này có ba mươi lăm, đó là bảy Vị tương ứng-Tịnh của bốn Vô sắc, Vô lậu của ba Vô sắc, sáu Giải thoát, bốn Thắng xứ, mười Biến xứ, sở y của Vô tranh.

Dựa vào Tịnh của Tĩnh lự thứ hai làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Tĩnh lự thứ hai làm Đẳng vô gián chứ không phải là Sở duyên, loại này có mười lăm, đó là bốn Vô lượng, hai Giải thoát đầu, bốn Thắng xứ trước, hai Vô ngại giải, sở y của ba Thông.

2. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất làm Sở duyên chứ không phải là Đẳng vô gián, loại này có ba, đó là Tịnh-Vô lậu của Tĩnh lự thứ tư, sở y của Nguyện trí.

3. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất làm Đẳng vô gián cũng là Sở duyên, loại này có mười hai, đó là Vị tương ứng của địa mình, và Tịnh-Vô lậu của ba Tĩnh lự đầu, hai Vô ngại giải, sở y của ba Thông.

4. Có lúc Đẳng chí không dùng Tịnh của Tĩnh lự thứ nhất làm Đẳng vô gián cũng không phải là Sở duyên, loại này có ba mươi lăm, đó là bảy Vị tương ứng-Tịnh của bốn Vô sắc, Vô lậu của ba Vô sắc, sáu Giải thoát, bốn Thắng xứ, mười Biến xứ, Vô tranh, sở y của Từ vô ngại giải.

Dựa vào Tịnh của Tĩnh lự thứ ba làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Tĩnh lự thứ ba làm Đẳng vô gián chứ không phải là Sở duyên, loại này có mười, đó là ba Vô lượng, Tịnh-Vô lậu của Không vô biên xứ, tức là Giải thoát của địa ấy, Pháp vô ngại giải, sở y của ba Thông.

2. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Tĩnh lự thứ ba làm Sở duyên

chứ không phải là Đẳng vô gián, loại này có một, đó là sở y của Nguyên trí.

3. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Tĩnh lự thứ ba làm Đẳng vô gián cũng là Sở duyên, loại này có mười bốn, đó là Vị tương ứng của địa mình, và Tịnh-Vô lậu của bốn Tĩnh lự, hai Vô ngại giải, sở y của ba Thông.

4. Có lúc Đẳng chí không dùng Tịnh của Tĩnh lự thứ ba làm Đẳng vô gián cũng không phải là Sở duyên, loại này có bốn mươi, đó là bảy Vị tương ứng-Tịnh của ba Vô sắc trên, Vô lậu của hai Vô sắc trên, Hỷ vô lượng, bảy Giải thoát, tám Thắng xứ, mười Biến xứ, Vô tranh, sở y của Từ vô ngại giải.

Dựa vào Tịnh của Tĩnh lự thứ tư làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Tĩnh lự thứ tư làm Đẳng vô gián chứ không phải là Sở duyên, loại này có hai mươi bảy, đó là ba Vô lượng, Tịnh giải thoát, bốn Thắng xứ sau, tám Biến xứ trước, Vô tranh, Pháp vô ngại giải, sở y của ba Thông, Tịnh-Vô lậu của hai Vô sắc đầu, tức là Giải thoát của địa ấy.

2. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Tĩnh lự thứ tư làm Sở duyên chứ không phải là Đẳng vô gián, loại này có hai, đó là Tịnh-Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất.

3. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Tĩnh lự thứ tư làm Đẳng vô gián cũng là Sở duyên, loại này có mười ba, đó là Vị tương ứng của địa mình, và Tịnh-Vô lậu của ba Tĩnh lự trên, hai Vô ngại giải, Nguyên trí, sở y của ba Thông.

4. Có lúc Đẳng chí không dùng Tịnh của Tĩnh lự thứ tư làm Đẳng vô gián cũng không phải là Sở duyên, loại này có hai mươi ba, đó là bảy Vị tương ứng, Tịnh của hai Vô sắc trên, Vô lậu của một Vô sắc trên, Hỷ vô lượng, năm Giải thoát, bốn Thắng xứ trước, hai Biến xứ sau, sở y của Từ vô ngại giải.

Hỏi: Nếu Đẳng chí tùy theo dùng Tịnh của Vô sắc nào làm Đẳng vô gián, thì dùng loại ấy làm Sở duyên chăng? Giả sử Đẳng chí tùy theo dùng Tịnh của Vô sắc nào làm Sở duyên, thì dùng loại ấy làm Đẳng vô gián chăng?

Đáp: Dựa vào Tịnh của mỗi một Vô sắc đều cần phải làm thành bốn câu phân biệt:

Dựa vào Tịnh của Không vô biên xứ làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Không vô biên xứ làm Đẳng vô

gián chứ không phải là Sở duyên, loại này có sáu, đó là Tịnh-Vô lậu của Thức vô biên xứ-Vô sở hữu xứ, tức là Giải thoát của địa ấy.

2. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Không vô biên xứ làm Sở duyên chứ không phải là Đẳng vô gián, loại này có năm, đó là Tịnh-Vô lậu của Tịch lự thứ nhất-thứ hai, sở y của Nguyên trí.

3. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Không vô biên xứ làm Đẳng vô gián cũng là Sở duyên, loại này có mười hai, đó là Vị tương ứng của địa mình, và Tịnh-Vô lậu của hai Tịch lự trên, Không vô biên xứ, tức là Giải thoát của địa ấy, Biến xứ, hai Vô ngại giải, sở y của Lậu tận thông.

4. Có lúc Đẳng chí không dùng Tịnh của Không vô biên xứ làm Đẳng vô gián cũng không phải là Sở duyên, loại này có bốn mươi hai, đó là bảy Vị tương ứng, Tịnh của Phi tướng phi phi tướng xứ, bốn Vô lượng, năm Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Biến xứ, hai Vô ngại giải, Vô tranh, sở y của năm Thông.

Dựa vào Tịnh của Thức vô biên xứ làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Thức vô biên xứ làm Đẳng vô gián chứ không phải là Sở duyên, loại này có năm, đó là Tịnh-Vô lậu của Vô sở hữu xứ, Tịnh của Phi tướng phi phi tướng xứ, và Giải thoát của hai địa ấy.

2. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Thức vô biên xứ làm Sở duyên chứ không phải là Đẳng vô gián, loại này có bảy, đó là Tịnh-Vô lậu của ba Tịch lự đầu, sở y của Nguyên trí.

3. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Thức vô biên xứ làm Đẳng vô gián cũng là Sở duyên, loại này có mười ba, đó là Vị tương ứng của địa mình, và Tịnh-Vô lậu của Tịch lự thứ tư-hai Vô sắc đầu, và Giải thoát của hai Vô sắc đầu, Biến xứ của Thức vô biên xứ, hai Vô ngại giải, sở y của Lậu tận thông.

4. Có lúc Đẳng chí không dùng Tịnh của Thức vô biên xứ làm Đẳng vô gián cũng không phải là Sở duyên, loại này có bốn mươi, đó là bảy Vị tương ứng, bốn Vô lượng, bốn Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Biến xứ, hai Vô ngại giải, Vô tranh, sở y của năm Thông.

Dựa vào Tịnh của Vô sở hữu xứ làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Vô sở hữu xứ làm Đẳng vô gián chứ không phải là Sở duyên, loại này có hai, đó là Tịnh của Phi tướng phi phi tướng xứ, tức là Giải thoát của địa ấy.

2. Có lúc Đẳng chí dùng Tịnh của Vô sở hữu xứ làm Sở duyên chứ không phải là Đẳng vô gián, loại này có chín, đó là Tịnh-Vô lậu của

bốn Tĩnh lực, sở y của Nguyên trí.

3. Có lúc Đẳng chí dùng Tĩnh của Vô sở hữu xứ làm Đẳng vô gián cũng là Sở duyên, loại này có mười ba, đó là Vị tương ứng của địa mình, và Tĩnh-Vô lậu của ba Vô sắc đầu, tức là ba Giải thoát của địa ấy, hai Vô ngại giải, sở y của Lậu tận thông.

4. Có lúc Đẳng chí không dùng Tĩnh của Vô sở hữu xứ làm Đẳng vô gián cũng không phải là Sở duyên, loại này có bốn mươi mốt, đó là bảy Vị tương ứng, bốn Vô lượng, bốn Giải thoát, tám Thắng xứ, mười Biến xứ, hai Vô ngại giải, Vô tranh, sở y của năm Thông.

Dựa vào Tĩnh của Phi tướng phi phi tướng xứ làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Đẳng chí dùng Tĩnh của Phi tướng phi phi tướng xứ làm Đẳng vô gián chứ không phải là Sở duyên, loại này có một, đó là Diệt Tướng-Thọ giải thoát.

2. Có lúc Đẳng chí dùng Tĩnh của Phi tướng phi phi tướng xứ làm Sở duyên chứ không phải là Đẳng vô gián, loại này có mười hai, đó là Tĩnh-Vô lậu của bốn Tĩnh lực-Không vô biên xứ, và Giải thoát của Không vô biên xứ, sở y của Nguyên trí.

3. Có lúc Đẳng chí dùng Tĩnh của Phi tướng phi phi tướng xứ làm Đẳng vô gián cũng là Sở duyên, loại này có mười hai, đó là Vị tương ứng của địa mình, và Tĩnh của ba Vô sắc đầu, tức là ba Giải thoát của địa ấy, Vô lậu của hai Vô sắc trên, hai Vô ngại giải, sở y của Lậu tận thông.

4. Có lúc Đẳng chí không dùng Tĩnh của Phi tướng phi phi tướng xứ làm Đẳng vô gián cũng không phải là Sở duyên, loại này có bốn mươi, đó là bảy Vị tương ứng, bốn Vô lượng, ba Giải thoát, tám Thắng xứ, mười Biến xứ, hai Vô ngại giải, Vô tranh, sở y của năm Thông.

Hỏi: Nếu Đẳng chí tùy theo dùng Vô lậu của Tĩnh lực nào làm Đẳng vô gián, thì dùng loại ấy làm Sở duyên chăng? Giả sử Đẳng chí tùy theo dùng Vô lậu của Tĩnh lực nào làm Sở duyên, thì dùng loại ấy làm Đẳng vô gián chăng?

Đáp: Dựa vào Vô lậu của mỗi một Tĩnh lực đều cần phải làm thành bốn câu phân biệt:

Dựa vào Vô lậu của Tĩnh lực thứ nhất làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Tĩnh lực thứ nhất làm Đẳng vô gián chứ không phải là Sở duyên, loại này có mười sáu, đó là bốn Vô lượng, hai Giải thoát đầu, bốn Thắng xứ trước, hai Vô ngại giải, sở

y của bốn Thông.

2. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Tịch lự thứ nhất làm Sở duyên chứ không phải là Đẳng vô gián, loại này có mười bốn, đó là Tịch-Vô lậu của Tịch lự thứ tư, Tịch của bốn Vô sắc, Vô lậu của ba Vô sắc, Giải thoát của bốn Vô sắc, sở y của Nguyên trí.

3. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Tịch lự thứ nhất làm Đẳng vô gián cũng là Sở duyên, loại này có mười, đó là Tịch-Vô lậu của ba Tịch lự đầu, hai Vô ngại giải, sở y của hai Thông.

4. Có lúc Đẳng chí không dùng Vô lậu của Tịch lự thứ nhất làm Đẳng vô gián cũng không phải là Sở duyên, loại này có hai mươi lăm, đó là tám Vị tương ứng, hai Giải thoát, bốn Thắng xứ sau, mười Biến xứ, sở y của Vô tranh.

Dựa vào Vô lậu của Tịch lự thứ hai làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Tịch lự thứ hai làm Đẳng vô gián chứ không phải là Sở duyên, loại này có mười lăm, đó là bốn Vô lượng, hai Giải thoát đầu, bốn Thắng xứ trước, Pháp vô ngại giải, sở y của bốn Thông.

2. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Tịch lự thứ hai làm Sở duyên chứ không phải là Đẳng vô gián, loại này có mười hai, đó là Tịch của bốn Vô sắc, Vô lậu của ba Vô sắc, Giải thoát của bốn Vô sắc, sở y của Nguyên trí.

3. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Tịch lự thứ hai làm Đẳng vô gián cũng là Sở duyên, loại này có mười hai, đó là Tịch-Vô lậu của bốn Tịch lự, hai Vô ngại giải, sở y của hai Thông.

4. Có lúc Đẳng chí không dùng Vô lậu của Tịch lự thứ hai làm Đẳng vô gián cũng không phải là Sở duyên, loại này có hai mươi sáu, đó là tám Vị tương ứng, hai Giải thoát, bốn Thắng xứ sau, mười Biến xứ, Vô tranh, sở y của Từ vô ngại giải.

Dựa vào Vô lậu của Tịch lự thứ ba làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Tịch lự thứ ba làm Đẳng vô gián chứ không phải là Sở duyên, loại này có tám, đó là ba Vô lượng, Pháp vô ngại giải, sở y của bốn Thông.

2. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Tịch lự thứ ba làm Sở duyên chứ không phải là Đẳng vô gián, loại này có chín, đó là Tịch của ba Vô sắc trên, tức là Giải thoát của ba địa ấy, Vô lậu của hai Vô sắc trên, sở y của Nguyên trí.

3. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Tịch lự thứ ba làm Đẳng vô

gián cũng là Sở duyên, loại này có mười lăm, đó là Tịnh-Vô lậu của bốn Tĩnh lực-Không vô biên xứ, và Giải thoát của Không vô biên xứ, hai Vô ngại giải, sở y của hai Thông.

4. Có lúc Đẳng chí không dùng Vô lậu của Tĩnh lực thứ ba làm Đẳng vô gián cũng không phải là Sở duyên, loại này có ba mươi ba, đó là tám Vị tương ứng, Hỷ vô lượng, bốn Giải thoát, tám Thắng xứ, mười Biến xứ, Vô tranh, sở y của Từ vô ngại giải.

Dựa vào Vô lậu của Tĩnh lực thứ tư làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Tĩnh lực thứ tư làm Đẳng vô gián chứ không phải là Sở duyên, loại này có hai mươi hai, đó là ba Vô lượng, Tịnh giải thoát, bốn Thắng xứ sau, tám Biến xứ trước, Pháp vô ngại giải, Vô tranh, sở y của bốn Thông.

2. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Tĩnh lực thứ tư làm Sở duyên chứ không phải là Đẳng vô gián, loại này có bảy, đó là Tịnh-Vô lậu của Tĩnh lực thứ nhất, Tịnh của hai Vô sắc trên, và Giải thoát của hai địa ấy, Vô lậu của một Vô sắc trên.

3. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Tĩnh lực thứ tư làm Đẳng vô gián cũng là Sở duyên, loại này có mười bảy, đó là Tịnh-Vô lậu của ba Tĩnh lực trên-hai Vô sắc đầu, và Giải thoát của hai Vô sắc đầu, hai Vô ngại giải, hai Thông, sở y của Nguyện trí.

4. Có lúc Đẳng chí không dùng Vô lậu của Tĩnh lực thứ tư làm Đẳng vô gián cũng không phải là Sở duyên, loại này có mười chín, đó là tám Vị tương ứng, Hỷ vô lượng, ba Giải thoát, bốn Thắng xứ trước, hai Biến xứ sau, sở y của Từ vô ngại giải.

Hỏi: Nếu Đẳng chí tùy theo dùng Vô lậu của Vô sắc nào làm Đẳng vô gián, thì dùng loại ấy làm Sở duyên chăng? Giả sử Đẳng chí tùy theo dùng Vô lậu của Vô sắc nào làm Sở duyên, thì dùng loại ấy làm Đẳng vô gián chăng?

Đáp: Dựa vào Vô lậu của hai Vô sắc đầu đều cần phải làm thành bốn câu phân biệt:

Dựa vào Vô lậu của Không vô biên xứ làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Không vô biên xứ làm Đẳng vô gián chứ không phải là Sở duyên, loại này có một, đó là Biến xứ của Không vô biên xứ.

2. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Không vô biên xứ làm Sở duyên chứ không phải là Đẳng vô gián, loại này có bảy, đó là Tịnh-Vô lậu của hai Tĩnh lực đầu, Tịnh của Phi tướng phi phi tướng xứ, và Giải

thoát của địa ấy, sở y của Nguyễn trí.

3. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Không vô biên xứ làm Đẳng vô gián cũng là Sở duyên, loại này có mười sáu, đó là Tịnh-Vô lậu của hai Tĩnh lự sau-ba Vô sắc đầu, tức là Giải thoát của địa ấy, hai Vô ngại giải, sở y của Lậu tận thông.

4. Có lúc Đẳng chí không dùng Vô lậu của Không vô biên xứ làm Đẳng vô gián cũng không phải là Sở duyên, loại này có bốn mươi một, đó là tám Vị tương ứng, bốn Vô lượng, bốn Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Biến xứ, hai Vô ngại giải, Vô tranh, sở y của năm Thông.

Dựa vào Vô lậu của Thức vô biên xứ làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Thức vô biên xứ làm Đẳng vô gián chứ không phải là Sở duyên, loại này có một, đó là Biến xứ của Thức vô biên xứ.

2. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Thức vô biên xứ làm Sở duyên chứ không phải là Đẳng vô gián, loại này có bảy, đó là Tịnh-Vô lậu của ba Tĩnh lự đầu, sở y của Nguyễn trí.

3. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Thức vô biên xứ làm Đẳng vô gián cũng là Sở duyên, loại này có mười sáu, đó là Tịnh-Vô lậu của Tĩnh lự thứ tư-ba Vô sắc dưới, Tịnh của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Giải thoát của bốn Vô sắc, hai Vô ngại giải, sở y của Lậu tận thông.

4. Có lúc Đẳng chí không dùng Vô lậu của Thức vô biên xứ làm Đẳng vô gián cũng không phải là Sở duyên, loại này có bốn mươi một, đó là tám Vị tương ứng, bốn Vô lượng, bốn Giải thoát, tám Thắng xứ, chín Biến xứ, hai Vô ngại giải, Vô tranh, sở y của năm Thông.

Dựa vào Vô lậu của Vô sở hữu xứ làm thuận theo câu trước, nghĩa là nếu Đẳng chí dùng Vô lậu của Vô sở hữu xứ làm Đẳng vô gián thì cũng dùng loại ấy làm Sở duyên. Có lúc Đẳng chí dùng Vô lậu của Vô sở hữu xứ làm Sở duyên, mà không dùng loại ấy làm Đẳng vô gián, loại này có chín, đó là Tịnh-Vô lậu của bốn Tĩnh lự, sở y của Nguyễn trí.

Hỏi: Có thể có lúc một Đẳng chí hiện rõ ở trước mắt, thì ba mươi ba Đẳng chí xả bỏ (Xả) mà không đạt được; tám Đẳng chí đạt được (Đắc) mà không xả bỏ; hai Đẳng chí cũng xả bỏ-cũng đạt được; hai Đẳng chí phần ít xả bỏ-phần ít đạt được, phần ít không xả bỏ-không đạt được; mười ba Đẳng chí phần ít xả bỏ mà không đạt được, phần ít không xả bỏ-không đạt được; bảy Đẳng chí không phải là xả bỏ-không phải là đạt được chăng?

Đáp: Có, đó là A-la-hán Tuệ giải thoát, khởi lên Vị tương ứng của

Tĩnh lự thứ nhất mà lui sụt.

Lúc bấy giờ ở trong sáu mươi lăm Đẳng chí, ba mươi ba loại là xả bỏ mà không đạt được, đó là Tĩnh-Vô lậu của ba Tĩnh lự trên, Tĩnh-Vô lậu của Vô sắc, năm Giải thoát, bốn Thắng xứ sau, mười Biến xứ, sở y của Lậu tận thông.

Tám loại là đạt được mà không xả bỏ, đó là Vị tương ưng Tĩnh lự-Vô sắc.

Hai loại là cũng xả bỏ-cũng đạt được, đó là Tĩnh-Vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất, bởi vì xả bỏ Vô học và pháp đã tu của địa trên, đạt được Học và lui sụt từng phần.

Hai loại là phần ít xả bỏ-phần ít đạt được, phần ít không xả bỏ-không đạt được, đó là có lúc muốn làm cho Túc trú tùy niệm trí thông cũng có Vô lậu, dựa vào pháp ấy có thể đạt được mà đưa ra cách hỏi-đáp này. Nghĩa là Túc trú tùy niệm trí thông và Tha tâm trí thông, lúc bấy giờ phần ít xả bỏ, tức là tất cả pháp hữu lậu đã tu của địa trên thuộc Vô học và pháp hữu lậu của Tĩnh lự thứ nhất đã tu thuộc phần vị Vô học; phần ít đạt được, tức là Học của Tĩnh lự thứ nhất; phần ít không xả bỏ-không đạt được, tức là pháp hữu lậu còn lại của Tĩnh lự thứ nhất. Nếu có lúc muốn làm cho Túc trú tùy niệm trí thông chỉ là hữu lậu, thì dựa vào đó không nên đưa ra cách hỏi-đáp như vậy, bởi vì Túc trú tùy niệm trí thông, lúc bấy giờ chỉ có phần ít xả bỏ, và phần ít không xả bỏ-không đạt được.

Mười ba loại là phần ít xả bỏ mà không đạt được, phần ít không xả bỏ-không đạt được, đó là bốn Vô lượng, hai Giải thoát đầu, bốn Thắng xứ trước, sở y của ba Thông. Tức là tất cả các pháp đã tu của địa trên, và phần vị Vô học của địa mình xả bỏ mà không đạt được, còn lại pháp của địa mình thì không xả bỏ-không đạt được.

Bảy loại không phải là xả bỏ-không phải là đạt được, đó là bốn Vô ngại giải, sở y của Nguyện trí-Vô tranh, Diệt tận giải thoát, bởi vì trước đây chưa đạt được.

Hỏi: Có thể có đạt được một Đẳng chí, mà không có gì xả bỏ chẳng?

Đáp: Có, đó là lúc đạt được Diệt tận giải thoát.

Hỏi: Có thể có lập tức đạt được sáu Đẳng chí, mà không có gì xả bỏ chẳng?

Đáp: Có, đó là lúc A-la-hán bắt đầu khởi lên Nguyện trí, lập tức đạt được sáu Đẳng chí, đó là bốn Vô ngại giải, sở y của Nguyện trí-Vô tranh.

Hỏi: Có thể có xả bỏ một Đẳng chí, mà không có gì đạt được chăng?

Đáp: Có, đó là lúc ở cõi Biến Tịnh chết đi sinh đến cõi Quảng Quả, xả bỏ Tịnh của Tịnh lự thứ ba, mà không có gì đạt được.

Hỏi: Bồ-đặc-già-la thuộc bốn Hương-bốn Quả, đối với sáu mươi lăm Đẳng chí, ai thành tựu mấy loại, không thành tựu mấy loại?

Đáp: Hương Dự lưu thành tựu tám loại, đó là tám Vị tương ứng, còn lại thì không thành tựu. Như Hương Dự lưu, Quả Dự lưu, Hương Nhất lai, Quả Nhất lai, cũng như vậy.

Hương Bất hoàn thành tựu ít nhất là tám loại, nói như trước. Người từ từ thì thành tựu nhiều nhất là bốn mươi bảy loại, tức là đã lìa nhiệm của Vô sở hữu xứ, dựa vào Tịnh lự thứ tư tiến vào Chánh tánh ly sinh, đó là Tịnh-Vô lậu của bốn Tịnh lự, Tịnh của bốn Vô sắc, Vị tương ứng của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, bốn Vô lượng, bảy Giải thoát, tám Thắng xứ, mười Biến xứ, sở y của năm Thông. Quả Bất hoàn thành tựu nhiều nhất, nói như Hương; thành tựu ít nhất là hai mươi lăm loại, đó là tám Vị tương ứng, Tịnh-Vô lậu của Tịnh lự thứ nhất, bốn Vô lượng, hai Giải thoát đầu, bốn Thắng xứ trước, sở y của năm Thông; hoặc là giảm một-hai Vị, tăng một-hai Tịnh, cũng đều là hai mươi lăm loại.

Hương A-la-hán thành tựu ít nhất là mười ba, tức là sinh đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, không đạt được Diệt tận giải thoát, thì đó là Vô lậu của bốn Tịnh lự-ba Vô sắc, Vị tương ứng-Tịnh của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, bốn Giải thoát. Nếu sinh đến Vô sở hữu xứ chưa lìa nhiệm của địa mình, thì cũng thành tựu mười ba loại, đó là tăng thêm một Vị, giảm bớt một Giải thoát. Thành tựu nhiều nhất là năm mươi một loại, tức là sinh ở cõi Dục-cõi Phạm Thế, Thân chứng thì đó là một Vị, tám Tịnh, bảy Vô lậu, bốn Vô lượng, tám Giải thoát, tám Thắng xứ, mười Biến xứ, sở y của năm Thông. Quả A-la-hán thành tựu ít nhất là mười ba, tức là sinh đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, A-la-hán Tuệ giải thoát, thì đó là bảy Vô lậu, một Tịnh, bốn Giải thoát, sở y của Lậu tận thông; thành tựu nhiều nhất là năm mươi bảy loại, đó là người đạt được Vô ngại giải, Nguyên trí-Vô tranh, chỉ trừ ra tám Vị tương ứng, còn lại đều có đủ. Phật nhất định thành tựu năm mươi bảy loại, trong Độc giác thì Bộ Hành giống như Thanh văn cõi Dục, Lân Giác Dự thì giống như Phật.

